TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH CHÁNH** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 231/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 22/03/2019
V/v Tranh chấp "Không công nhận quan hệ vợ chồng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH–THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trương Văn Hải**
Các Hội thẩm nhân dân:
1) Bà **Nguyễn Thị Vạn**
2) Bà **Trần Thị Đúng**
Thư ký phiên tòa: Ông **Lê Trung Dũng**_Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện Kiểm Sát nhân dân huyện Bình Chánh không tham gia phiên tòa.

Ngày 22 tháng 03 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 1445/2019/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 12 năm 2018 về việc: "Không công nhận quan hệ vợ chồng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 46/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 03 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông **Nguyễn Văn T**, sinh năm: 1972; Địa chỉ: ấp 2A, xã BH, huyện BC, Thành phố HCM_có mặt;

Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị Tuyết L**, sinh năm: 1973; Địa chỉ: ấp 2, xã BH, huyện BC, Thành phố HCM _có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện về việc: "không công nhận quan hệ vợ chồng" ngày 12 tháng 11 năm 2018 nguyên đơn là ông Nguyễn Văn T trình bày giữa ông và bà Nguyễn Thị Tuyết L sau khi quen biết, tìm hiểu đã tự nguyện sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 1993, nhưng hai bên không đăng ký kết hôn. Do hai bên chung sống không hạnh phúc, thường xảy ra xung đột bất đồng, gây gổ cải vã nhau nên cả hai đã sống ly thân từ năm 2013 đến nay; Giữa ông và bà L sống

chung với nhau có hai con chung tên là: Nguyễn Thị Mỹ Duyên, sinh ngày: 19/02/1994 và Nguyễn Văn Sang, sinh ngày: 19/03/1996 đều đã trưởng thành. Tại Tòa hôm nay, ông T yêu cầu Tòa giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông với bà L; Về con chung: có 02 (hai) con chung đều đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án xem xét; Về tài sản chung: Ông T xác định không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét; Về nợ chung, các nghĩa vụ dân sự khác: Ông T tự khai không có.

Tại bản tự khai và biên bản làm việc, bà Nguyễn Thị Tuyết L trình bày: bà xác nhận những vấn đề mà ông T trình bày ở trên như về thời gian chung sống, thời gian phát sinh mâu thuẫn, về nguyên nhân mâu thuẫn đúng như lời trình bày của ông T; Bà cũng yêu cầu Tòa giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà và ông T; Về con chung: Bà xác định có 02 (hai) con chung đều đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án xem xét; Về tài sản chung: Bà xác định không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét; Về nợ chung: Bà xác định không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Xét yêu cầu khởi kiện của các đương sự, cùng các tài liệu có trong hồ sơ có cơ sở xác định đây là vụ kiện Hôn nhân gia đình về việc "không công nhận quan hệ vợ chồng", vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện theo qui định tại Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự; Bà Nguyễn Thị Tuyết L là bị đơn có nơi cư trú tại, huyện Bình Chánh nên vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

2. Về các yêu cầu của các đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy như sau:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản làm việc cũng như tại Tòa hôm nay ông Nguyễn Văn T cho biết vào năm 1993, ông và bà Nguyễn Thị Tuyết L sau khi quen biết, tìm hiểu đã tự nguyện sống chung với nhau như vợ chồng nhưng hai bên không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống giữa ông và bà L lúc đầu có hạnh phúc nhưng đến năm 2013 hai bên phát sinh mâu thuẫn vì không hợp tính tình, bất đồng quan điểm ý kiến và đã sống ly thân từ đó đến nay nên ông yêu cầu giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng với bà L.

Về vấn đề này, Hội đồng xét xử nhận thấy: việc ông T và bà L tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng là có thật, nhưng hai bên lại không đăng ký kết hôn nên đã vi phạm Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình về đăng ký kết hôn. Điều 9 Luật Hôn nhân gia đình quy định: "Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch. Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý"; Tại khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình lại quy định: "Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo qui định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này, nếu có yêu cầu về con và tài sản thì giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật này". Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình về giải quyết hậu quả của việc nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn có quy định: "Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Quyền, nghĩa vụ đối với con, tài sản, nghĩa vụ và hợp đồng giữa các bên được giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật này"; Đối chiếu các quy định trên của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận thấy việc ông Nguyễn Văn T yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông với bà Nguyễn Thị Tuyết L là đúng quy định của pháp luật nên cần chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Văn T xin không công nhận quan hệ vợ chồng với bà Nguyễn Thị Tuyết L.

Về con chung: Ông T và bà L có hai con chung đều đã trưởng thành nên Tòa không xét đến.

Về tài sản chung: Ông T và bà L xác định không có nên Toà không xét đến.

Về nợ chung và các nghĩa vụ dân sự khác: Hai bên tự khai không có nên Tòa không xét.

Về án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) do ông Nguyễn Văn T chịu.

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 63, Điều 146, Điều 147, Điều 203, Điều 220, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15, 16, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình; Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và

sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2017; Căn cứ vào Luật Thi hành án dân sự;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ vợ chồng: Không công nhận ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị Tuyết L là vợ chồng.

2. Về con chung: Ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị Tuyết L có hai con chung tên là: Nguyễn Thị Mỹ Duyên, sinh ngày: 19/02/1994 và Nguyễn Văn Sang, sinh ngày: 19/03/1996 đều đã trưởng thành nên Tòa không xét đến.

3. Về tài sản chung: Hai bên xác định không có nên Toà không xét đến.

4. Về nợ chung và các nghĩa vụ dân sự khác: Hai bên tự khai không có nên Tòa không xét đến.

5. Về án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) do ông Nguyễn Văn T chịu, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông Nguyễn Văn T đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0006409 ngày 06/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Nguyễn Văn T đã nộp đủ tiền án phí theo quy định.

Trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

(Đã giải thích cho đương sự (người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự) biết về quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu yêu cầu thi hành án theo quy định của Luật Thi hành án dân sự).

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- TANDTP.HCM.
- VKSNDTP.HCM.
- VKSND Huyện Bình Chánh.
- Chi cục Thi hành án dân sự Huyện Bình Chánh.
- Các đương sự.
- Lưu VP, HS.

Trương Văn Hải